TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **305/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2022
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Trung Úy,** Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Dịu -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 277/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị B**, sinh năm 1991 (có mặt).

2.Bị đơn:**Anh Lê Văn L**, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm C, thôn TC, xã TH, huyện CM, Thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 05/05/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CM, Tp. HN. Vợ chồng sống hạnh P đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 26/9/2016 và Lê Thiên P, sinh ngày 14/11/2020. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Thiên P và nhường quyền nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Tuệ N cho anh L. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác nhận anh và chị Nguyễn Thị B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CM, Tp. HN. Quá trình chung sống hạnh P được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đồng thời vợ chồng cũng ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay anh L xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh P, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B có đơn xin ly hôn, anh L đồng ý

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị B có 02 con chung là Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 26/9/2016 và Lê Thiên P, sinh ngày 14/11/2020. Nếu ly hôn, anh L xin được nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Tuệ N. Còn cháu Thiên P anh nhường quyền nuôi cho chị B. Anh L không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung, chị B nhất trí

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị B vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh L. Về con chung: Chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Thiên P và nhường quyền nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Tuệ N cho anh L nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn L cư trú tại xã TH, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn L đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định xét xử vụ án, anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Lê Văn L trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CM, Tp. HN nên hôn nhân giữa chị B và anh L là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị B, anh L và kết quả thu thập

chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị B và anh L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng đầu năm 2022 đến nay. Trước yêu cầu của chị B xin ly hôn anh L đồng ý ly hôn và có đơn xin vắng mặt khi xét xử vụ án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị B xin ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị B và anh L xác nhận có 02 con chung là Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 26/9/2016 và Lê Thiên P, sinh ngày 14/11/2020. Khi ly hôn chị B xin nuôi cháu P, anh L xin nuôi cháu N.

Chị B, anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B, anh L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh chị cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Lê Văn L.

2.Về con chung: Chị B và anh L có 02 con chung là Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 26/9/2016 và Lê Thiên P, sinh ngày 14/11/2020. Giao 01 con chung là Lê Nguyễn Tuệ N cho anh Lê Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao 01 con chung là Lê Thiên P cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị B, anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị B, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B, anh L đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075990 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TH, huyện CM, Tp. HN (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Dũng